

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HSST

Ngày: 13-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Khắc Thái.

2. Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/HSST-QĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/9/1992, tại xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Số nhà 105, tổ 7, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2017 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 71, tổ 32 phường X, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân Nguyễn Văn P nguyên là cán bộ Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã nảy sinh ý định làm chứng minh Công an nhân dân giả nhằm mục đích tạo lòng tin cho một số người để vay tiền. Vào khoảng tháng 02/2016 Nguyễn Văn P đã vào mạng xã hội Facebook và tìm được địa chỉ làm giấy tờ giả của một người tên là H1, qua trao đổi trên mạng bị cáo đã đặt làm ba chứng minh Công an nhân dân giả có tên tuổi, số hiệu của bị cáo, hai bên thỏa thuận là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/01 chứng minh Công an nhân dân giả. Nguyễn Văn P đã gửi ảnh và các thông tin khác qua tin nhắn mạng xã hội Facebook, rồi về Hà Nội hẹn gặp H1 tại một quán trà đá tại khu vực đường K giáp với đường D thuộc quận X để nhận chứng minh Công an nhân dân giả, sau đó P cầm số giấy chứng minh Công an nhân dân giả về tập thể đơn vị cất giấu.

Đến tháng 04/2016 P lại tiếp tục liên lạc với H1 đặt làm thêm 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn P, theo ảnh các thông tin có sẵn P đã gửi trước đó, H1 đồng ý và thống nhất giá 03 triệu đồng/01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả. Sau đó H1 liên lạc và hẹn gặp P tại một quán nước thuộc phố T, quận H1, thành phố Hà Nội để giao giấy chứng minh Công an nhân dân giả cho P và P trả cho H1 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Nguyễn Văn P đã dùng giấy chứng minh Công an nhân dân giả để tạo dựng lòng tin, vay tiền của một số người trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể:

Khoảng tháng 6/2016 Nguyễn Văn P đã đến nhà anh T ở Đội 4A, xã X, huyện Y, tỉnh Điện Biên đặt vấn đề vay 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), anh T đồng ý, P đã viết giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn P (anh T không biết đó là giấy chứng minh Công an nhân dân giả). P đã sử dụng số tiền trên vào việc chi tiêu cá nhân hết, gia đình bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho anh Thọ và nhận lại cả giấy tờ vay mượn.

Ngày 09/8/2016 qua N nguyên là cán bộ Công an thành phố Đ giới thiệu, Nguyễn Văn P đã đến hiệu cầm đồ của bà Nguyễn Thị H ở tổ 32, phường X, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, đặt vấn đề vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và để lại 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn P (bà H không biết đó là giấy chứng minh Công an nhân dân giả), hai bên làm hợp đồng cho cá nhân vay tiền, có chữ ký của các bên, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 09/8/2016 đến 09/11/2016). P đã sử dụng số tiền trên vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Vào khoảng giữa tháng 08/2016 Nguyễn Văn P đến nhà anh C ở tổ 8, phường X, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đặt vấn đề vay của anh C số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), anh C nhất trí, P đã viết giấy vay tiền và để lại 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn P (anh C không biết đó là giấy chứng minh Công an nhân dân giả). P đã sử

dụng số tiền trên vào việc chi tiêu cá nhân hết, gia đình bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho anh C và nhận lại các giấy tờ vay mượn.

Bà H nghi ngờ giấy chứng minh Công an nhân dân mà P đã thế chấp vay tiền là giả, bà Nguyễn Thị H đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên. Trong quá trình điều tra gia đình Nguyễn Văn P đã tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để khắc phục một phần hậu quả. Bà H yêu cầu Nguyễn Văn P phải trả số tiền còn lại 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 55/QĐ-VKS-P1 ngày 11/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên nội dung, quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 139; điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không phạt bổ sung bằng tiền theo Khoản 5 Điều 139 BLHS đối với bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị H; buộc chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với toàn bộ các tài liệu và chứng cứ

có trong hồ sơ, phù hợp với các bản cung của bị cáo khai nhận tại cơ quan Điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, từ những tài liệu chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định rằng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 08/2016, bị cáo Nguyễn Văn P đã có hành vi gian dối, làm giấy chứng minh Công an nhân dân giả để thế chấp, lừa các chủ nợ cho vay tiền để họ nhầm tưởng rằng giấy chứng minh Công an nhân dân giả của bị cáo là giấy chứng minh Công an nhân dân thật và đã cho bị cáo vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) để phục vụ cho việc tiêu xài cá nhân, xét thấy hành vi gian dối của bị cáo cụ thể là làm giấy chứng minh Công an nhân dân giả để tạo dựng lòng tin qua đó vay tiền và chiếm đoạt số tiền đó của bị hại, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hành vi của bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009). Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo ra trước Tòa án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm e Khoản 2 Điều 139 BLHS là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng điều luật, mức hình phạt, phần dân sự và án phí đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần được chấp nhận.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên; nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này còn thể hiện đối tượng tên H1, là người đã làm giấy chứng minh Công an nhân dân giả cho bị cáo. Qua điều tra, H1 tên thật là Nguyễn Văn B, sinh năm 1989, trú tại: Thôn 03 xã Q, thị trấn S, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 17/4/2017 Nguyễn Văn B đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với N, sinh năm 1990 nguyên là cán bộ Công an thành phố Đ là người đã giới thiệu Nguyễn Văn P đến vay tiền nhà bà Nguyễn Thị H. Ngày 20/2/2017 Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hiện tại N đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra quyết định truy nã đối với N nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với anh T và anh C là những người cho Nguyễn Văn P vay tiền và không biết P đã dùng giấy chứng minh Công an nhân dân giả để tạo lòng tin vay tiền, gia đình bị cáo đã hoàn trả đầy đủ số tiền mà Nguyễn Văn P đã vay, anh T và anh C không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Đánh giá tính chất vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này do một mình bị cáo thực hiện, bị cáo Nguyễn Văn P là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã có hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt được của bà H số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Bị cáo vừa là chủ mưu và là người thực hành tích cực. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nghiêm trọng, quy định tại đoạn 3 khoản 3 Điều 8 Bộ luật Hình sự. Hành vi đó của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa bàn xảy ra vụ án nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến tài sản của người bị hại; gây mất lòng tin giữa quần chúng nhân dân với một bộ phận lực lượng Công an nhân dân, do vậy, Hội đồng xét xử cần quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất vụ án mà bị cáo đã gây ra để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta và mang tính chất phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn P xuất thân từ thành phần cơ bản, trước ngày phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, bị cáo cũng tác động cùng với gia đình để khắc phục, bồi thường một phần dân sự cho người bị hại, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Áp dụng Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự bị cáo có hai bác là Liệt sĩ và bà nội được phong tặng bà mẹ Việt Nam Anh hùng, do đó cần xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS và Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền còn lại 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại cho người bị hại. Theo quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015: “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, hàng tháng người thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn P bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 139; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 30 tháng 6 năm 2017).

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 351; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi hoàn cho người bị hại: Bà Nguyễn Thị H 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

4. Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn P bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai hình sự sơ thẩm có mặt bị cáo và người bị hại, báo cho bị cáo và người bị hại biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 13/11/2017 để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Thanh Bình, TP. ĐBP (T/báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Sùng A Xà

